

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		115.498.792.308	109.787.840.263
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	38.127.327.331	16.610.116.143
1. Tiền	111		27.177.327.331	10.610.116.143
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.950.000.000	6.000.000.000
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		39.056.982.043	28.302.580.874
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	30.839.864.335	29.957.363.206
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5.455.074.350	763.183.474
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	4.732.711.048	2.893.990.524
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.4	(1.970.667.690)	(5.311.956.330)
IV- Hàng tồn kho	140	5.5	37.327.854.169	63.358.550.679
1. Hàng tồn kho	141		40.560.370.380	73.233.198.251
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.232.516.211)	(9.874.647.572)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		986.628.765	1.516.592.567
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	90.664.664	834.243.789
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		853.336.662	682.348.778
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.12	42.627.439	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		112.803.948.592	143.700.025.785
I Các khoản phải thu dài hạn	210	5.3	878.480.008	736.493.387
1. Phải thu dài hạn khác	216		878.480.008	736.493.387
II Tài sản cố định	220		98.207.337.511	131.918.886.620
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	98.207.337.511	131.918.886.620
- Nguyên giá	222		328.582.899.496	327.449.411.497
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(230.375.561.985)	(195.530.524.877)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	-	-
- Nguyên giá	228		142.072.860	142.072.860
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(142.072.860)	(142.072.860)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.9	6.880.560.647	7.377.950.592
1. Nguyên giá	231		12.207.837.490	12.207.837.490
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(5.327.276.843)	(4.829.886.898)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.114.107.113	1.552.272.912
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	1.114.107.113	1.552.272.912
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI Tài sản dài hạn khác	260		5.723.463.313	2.114.422.274
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	5.723.463.313	2.114.422.274
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		228.302.740.900	253.487.866.048

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		109.276.236.232	160.174.678.606
I- Nợ ngắn hạn	310		103.604.259.699	132.087.204.146
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	19.894.619.044	26.494.373.897
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.370.857.893	1.383.335.777
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	6.848.795.344	2.586.624.502
4. Phải trả người lao động	314		10.712.203.964	8.046.974.452
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	2.790.473.677	37.672.542.198
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	9.820.140.366	9.494.824.166
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	46.778.970.486	42.717.930.229
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		5.388.198.925	3.690.598.925
II- Nợ dài hạn	330		5.671.976.533	28.087.474.460
1. Phải trả dài hạn khác	337		1.051.805.731	1.051.805.731
2. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.15	-	22.317.997.927
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		4.620.170.802	4.717.670.802
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		119.026.504.668	93.313.187.442
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.16	119.026.504.668	93.313.187.442
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		60.000.000.000	60.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		60.000.000.000	60.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.305.148.444	2.305.148.444
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		16.537.041.970	13.805.841.970
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		40.184.314.254	17.202.197.028
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		8.630.192.734	7.746.192.370
- LNST chưa phân phối kì này	421b		31.554.121.520	9.456.004.658
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430 = 300+400)	440		228.302.740.900	253.487.866.048

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2017

Người lập

Nguyễn Thị Vân

Kế toán trưởng

Bùi Thị Chiêm

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Hoàng

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI

Bảo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.17	339.464.341.634	284.195.701.396
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.17	-	88.875.222
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.17	339.464.341.634	284.106.826.174
4. Giá vốn hàng bán	11	5.18	251.686.195.976	218.765.049.823
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		87.778.145.658	65.341.776.351
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.19	486.025.764	705.317.347
7. Chi phí tài chính	22	5.20	4.135.401.936	5.880.428.046
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.000.686.478	5.691.022.458
8. Lãi/(lỗ) trong Công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	5.21	19.911.167.893	23.582.141.729
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.22	19.556.303.707	19.237.913.549
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		44.661.297.886	17.346.610.374
12. Thu nhập khác	31		1.311.706	208.762.149
13. Chi phí khác	32		5.330.250	20.568.032
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(4.018.544)	188.194.117
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		44.657.279.342	17.534.804.491
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.23	8.902.952.048	3.878.799.833
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		35.754.327.294	13.656.004.658
19. Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ	61		35.754.327.294	13.656.004.658
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.24	5.959	1.821

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2017

Người lập

Nguyễn Thị Vân

Kế toán trưởng

Bùi Thị Chiêm

Tông Giám đốc



Nguyễn Đức Hoàng

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 03-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	44.657.279.342	17.534.804.491
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	35.465.936.253	25.244.003.715
- Các khoản dự phòng	03	(9.983.420.001)	5.286.789.216
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(266.784.570)	(40.583.859)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	7.310.690.000	(188.010.353)
- Chi phí lãi vay	06	4.000.686.478	5.691.022.458
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	81.184.387.502	53.528.025.668
- Biến động các khoản phải thu	09	(7.732.467.321)	(10.884.745.418)
- Biến động hàng tồn kho	10	32.672.827.871	(2.694.649.087)
- Biến động các khoản phải trả	11	(41.332.706.835)	11.418.041.462
- Tăng/giảm chi phí trả trước	12	(2.865.461.914)	1.267.922.421
- Tiền lãi vay đã trả	14	(8.856.503.122)	(7.076.782.114)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.494.243.983)	(3.825.646.483)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.036.210.068)	(839.516.739)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	46.539.622.130	40.892.649.710
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(818.831.400)	(6.649.863.759)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	50.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	(7.310.690.000)	188.010.353
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(8.129.521.400)	(6.411.853.406)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	117.935.938.528	117.187.885.265
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(136.192.896.198)	(137.101.928.812)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	1.097.873.750	(10.302.126.250)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(17.159.083.920)	(30.216.169.797)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	21.251.016.810	4.264.626.507
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	16.610.116.143	12.305.495.969
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	266.194.378	39.993.667
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	38.127.327.331	16.610.116.143

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Vân

Bùi Thị Chiêm

Nguyễn Thị Vân

Bùi Thị Chiêm

Nguyễn Đức Hoàng

